

Bản án số: 329/2024/DS-PT

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ninh Quang Thế

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thuý Nguyên – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 26/8/2024 tại Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2024/TLPT-DS ngày 15/7/2024 về việc tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 247/2024/QĐPT-DS ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích P, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Kim C, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Kim C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Nguyễn Bích P trình bày: Ông C có tham gia hai dây hui do bà làm chủ, cụ thể:

- Dây hui thứ nhất mở vào ngày 30/01/2020 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có 42 chung, ông C tham gia 01 chung. Sau khi tham gia hui ông C đã hốt hui ở lần khai thứ 6, bỏ 670.000 đồng, hốt được 56.860.000 đồng. Ông C đóng tổng hết được 24 lần thì ngưng không đóng tiếp cho bà, ông nợ lại chung hui này 18 lần với số tiền 36.000.000 đồng.

- Dây hui thứ hai mở vào ngày 10/02/2021 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có 42 chung, ông C tham gia 01 chung. Ông C đã hốt hui ở

lần khai thứ 2, bỏ 600.000 đồng, hốt được 56.800.000 đồng. Ông C đóng được 20 lần thì ngưng, ông nợ lại chung hội này 22 lần với số tiền 44.000.000 đồng.

Sau khi chốt hội, ông C có trả số tiền 2.000.000 đồng. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C trả lại cho bà tổng số tiền hội là 78.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Kim C trình bày: Ông xác định có tham gia hai chung hội như bà P trình bày. Tuy nhiên, ông không nhớ ngày hốt hội, số tiền hốt.

- Đối với chung hội mở ngày 30/01/2020 âm lịch, sau khi hốt hội ông có đóng hội theo mỗi kỳ khai, đóng trực tiếp một thời gian, sau này đi làm xa thì ông chuyển khoản. Do đóng hội không đầy đủ nên ông nhớ đến khi ông nợ lại chung hội này khoảng số tiền 36.000.000 đồng thì ông đã chuyển khoản trả dần đủ, không còn nợ.

- Đối với chung hội mở ngày 10/02/2021 âm lịch, sau khi hốt ông đóng hội cho bà P không đúng ở mỗi kỳ khai, có khi kỳ khai này ông không có tiền thì chuyển sang kỳ sau ông sẽ đóng đúp của hai kỳ. Đây hội này ông cũng đã đóng cho bà P đủ, tính đến kỳ cuối cùng chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 31/5/2023.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích P.

Buộc ông Nguyễn Kim C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Bích P số tiền hội 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích P về việc buộc ông Nguyễn Kim C trả số tiền hội 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/5/2024, ông C kháng cáo cho rằng ông đã thanh toán hết nợ cho bà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Bà P1 yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, ông C cho rằng đã thanh toán cho bà P1 một phần qua Ngân hàng nên đối trừ, phần còn lại ông C phải thanh toán tiếp, nên kiến nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, chấp nhận một phần kháng cáo của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, nội dung đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo được ông C thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, HĐXX sẽ xem xét kháng cáo của ông theo quy định. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội nên cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông C: Tại phiên toà ông C thừa nhận có tham gia hai dây hội như bà P trình bày và còn nợ cả hai dây hội tính đến thời điểm ông viết biên nhận nợ ngày 10/02/2021 al là 80.000.000đ, đây là sự thống nhất về số nợ của hai đương sự tính đến thời điểm viết biên nhận làm căn cứ giải quyết việc thanh toán về sau.

Vấn đề hai bên tranh chấp là biên nhận này ông C viết cho bà P thời điểm nào? Và việc thanh toán nợ sau khi viết biên nhận là bao nhiêu? Để chứng minh cho yêu cầu của mình bà P cung cấp ba biên nhận ngày 10/02/2021 al (BL 79), biên nhận ngày 10/02/2023 al (BL 60) và giấy giao hội ngày 20/5/2023 al (BL 61), qua các biên nhận bà P cung cấp, ông C chỉ thừa nhận đã viết biên nhận ngày 10/02/2021 al, qua xem xét các chứng cứ bà P cung cấp thấy rằng đối với biên nhận ngày 20/5/2023 al, tiêu đề ghi giấy giao hội nên không thể xem là biên nhận nợ, ngược lại về nội dung thể hiện “..khui ngày 20/5/2023al, chét đóng 40 chét nữa hết..” không thể hiện phần hội này của dây hội nào? Tại phiên toà bà P thừa nhận đây là giấy bà yêu cầu ông C viết lại để bổ sung cho biên nhận 10/02/2021al, nên giấy này không phải là biên nhận nợ của ông C.

Hai biên nhận còn lại có nội dung giống hệt nhau từng nét chữ đến nội dung, chỉ khác nhau ở số 1 của biên nhận năm 2021 bị xoá bằng mực xoá, viết đè lên thành số 3 của biên nhận năm 2023, hiện tại bà P cung cấp được bản chính biên nhận ngày 10/02/2023al, còn biên nhận chính ngày 10/02/2021al bà khai bị thất lạc. Vụ kiện này bà P đã khởi kiện ông C được Toà án Đàm Dơi thụ lý vào 23/01/2024, đến 05/3/2024 bà P rút yêu cầu khởi kiện, Toà án đình chỉ vụ án, theo hồ sơ đình chỉ bà P dùng biên nhận ngày 10/02/2021al làm chứng cứ. Sau khi đình chỉ một tháng sau, ngày 05/4/2024 bà P khởi kiện lại vụ án và dùng biên nhận ngày 10/02/2023al làm chứng cứ, như vậy trong vòng một tháng từ khi đình chỉ vụ án đến khi khởi kiện lại bà P khai mất biên nhận ngày 10/02/2021al là có biểu hiện che dấu chứng cứ. Mặt khác tại phiên toà bà P thừa nhận bà có sửa số 3 tại năm 2023 trong biên nhận 10/02/2023al, cách thức sửa do số 3 không rõ nên bà dùng viết xoá xoá đi và viết đè lại số 3 cho rõ, qua tranh tụng bà P thừa nhận biên nhận 10/02/2023al chính là biên nhận gốc ngày 10/02/2021al do bà sửa chữa, phù hợp với lời trình bày của ông C ông chỉ ký tên vào biên nhận ngày 10/02/2021al, qua đó cũng không cần thiết phải giám định số trong biên nhận năm 2023. Vì vậy thời điểm hai bên tổng kết hội được xác định là ngày 10/02/2021al.

Như vậy về thời gian chốt nợ để thanh toán hội của ông C cũng được tính kể từ thời điểm 10/02/2021al, việc ông C khai sau khi ký biên nhận ông có trả hàng tháng cho bà P được một thời gian nhưng ông không có giấy tờ theo dõi, bà P cũng không thừa nhận, nên không có căn cứ đối trừ. Đối với số tiền ông C chuyển trả cho bà P qua phương thức chuyển khoản Ngân hàng được bà P thừa nhận là căn cứ đối trừ:

Ngày 10/02/2021a1 nhằm ngày 22/3/2021 dl, theo sao kê của Ngân hàng ông C bắt đầu chuyển tiền cho bà P từ tháng 7/2022 tính đến ngày 31/5/2023 ông C chuyển cho bà P 15 lần, tổng số tiền 51.000.000đ, đối trừ ông C còn nợ bà P 29.000.000đ.

Đối với số tiền 20.000.000đ theo sao kê bà P chuyển cho ông C, bà P cho rằng là tiền bà cho ông C vay để ông liên hệ làm thủ tục vay tiền Ngân hàng, ông C cho rằng đó là tiền ông hốt dây hụi ngày 10/02/2021a1 bà P giao hụi cho ông, tuy nhiên theo giao kèo chơi hụi cũng như thực tế giao dịch hụi, thì bà P có nghĩa vụ giao hụi cho ông C trong thời hạn 15 ngày sau khi khai hụi, trong khi đó theo lời trình bày của ông C ông hốt hụi vào kỳ thứ hai tức là vào khoảng tháng 04/2021a1, trong khi đó bà P chuyển khoản cho ông C vào ngày 04/8/2022 như vậy hơn 1 năm sau bà P mới giao hụi cho ông, đây là điều vô lý, do đó lời trình bày của ông C về số tiền 20.000.000đ bà P chuyển trả cho ông là tiền ông hốt hụi là không có căn cứ, do đây là tiền vay bà P không khởi kiện ông trong vụ án này nên bà P có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kiến nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông C là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Án phí phúc thẩm ông C không phải chịu theo quy định tại điều 148 Bộ luật TTDS.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Kim C. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. *Tuyên Xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích P. Buộc ông Nguyễn Kim C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Bích P số tiền hụi 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông C còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích P về việc buộc ông Nguyễn Kim C trả số tiền hụi 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).

3. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Kim C phải chịu 1.450.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Nguyễn Bích P phải chịu 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), ngày 05/4/2024 bà đã dự nộp 975.000 đồng (chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000960 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được đối trừ, bà P phải nộp tiếp 1.575.000đ.

- Án phí phúc thẩm ông C không phải chịu, ngày 10/6/2024 ông đã dự nộp 300.000đ, tại biên lai số 1342 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được hoàn lại.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Quang Thế